

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**  
Bản án số: 467/2020/DS-ST

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**Ngày: 02/11/2020**

V/v : Tranh chấp Hợp đồng vay tài  
sản

### **NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lương Duy Minh Chính

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Thị Năm

2. Ông Đoàn Văn Rỹ

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Trần Ngọc Tuyên – Thư ký của Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn An Lập – Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 11 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 8, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 200/2019/TLST-DS, ngày 16 tháng 4 năm 2019, về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 282/2020/QĐXXST-DS ngày 24/9/2020 và **Quyết định hoãn phiên tòa số 186/2020/QĐST-DS ngày 15/10/2020**, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Bà Lê Thị X; Sinh năm 1952;

Nơi cư trú: Số 31B đường A, Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Lê Xuân D, sinh năm: 1975

Địa chỉ: Số 239D đường E, Phường F, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh;

**- Bị đơn:** Bà Nguyễn Thị Xuân L; Sinh năm 1964;

Nơi cư trú: Số 13 đường M, Phường N, Quận J, Thành phố Hồ Chí Minh;

(Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa)

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện đề ngày 11/3/2019 cùng các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ, nguyên đơn có đại diện là ông Lê Xuân D trình bày:

Bà X và bà Nguyễn Thị Xuân L có mối quan hệ quen biết đã lâu. Năm

2008, bà L có nhu cầu vay vốn để làm ăn nên có đề nghị bà X cho bà L vay tiền. Bà X đồng ý. Vì thế, vào ngày 02 tháng 5 năm 2008, bà X cho bà L vay số tiền 2.050.000.000 đồng. Sau khi bà L đã nhận đủ số tiền vay, tự tay viết Hợp đồng vay tiền, ký tên xác nhận, giao bà X lưu giữ. Khi thoả thuận cho vay tiền bà L trình bày cần góp vốn làm ăn, cam kết khi nào bán được đất sẽ hoàn trả số tiền vay cho bà X cho nên giữa bà X và bà L không thoả thuận về thời gian vay, lãi suất vay.

Đến ngày 23 tháng 7 năm 2009, bà L tiếp tục liên hệ với bà X và trình bày cần tiền để xử lý công việc nên có đề nghị bà X cho bà L vay tiếp 250.000.000 đồng. Mặc dù số tiền vay cũ bà L chưa hoàn trả cho bà X nhưng tin tưởng bà L cam kết sau khi làm thủ tục vay ngân hàng, nhận được tiền sẽ ưu tiên hoàn trả cho bà X tất cả các khoản nợ. Lúc này, vì mong muốn thu hồi lại số tiền 2.050.000.000 đồng đã cho bà L vay vào ngày 02/5/2008 và cũng muốn tạo điều kiện cho bà L làm ăn thanh toán nợ nần nên bà X đã đồng ý cho bà L vay tiếp số tiền 250.000.000 đồng.

Sau khi nhận đủ số tiền vay 250.000.000 đồng, bà L tự tay viết giấy vay tiền, ký tên xác nhận và cam kết hoàn trả số tiền vay trong hạn 30 ngày kể từ ngày vay 23/7/2009 giao bà X lưu giữ.

Đến thời hạn trả nợ, bà X nhiều lần liên hệ bà L thanh toán toàn bộ số tiền đã vay nhưng bà L luôn tìm lý do xin khất nợ, né tránh không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho bà X.

Không đồng ý với thái độ bội tín của bà L, ngày 05/11/2018 bà X đã làm thông báo yêu cầu trả tiền nợ vay gửi đến bà Nguyễn Thị Xuân L để yêu cầu bà L thanh toán ngay một lần toàn bộ số tiền đã hai lần vay là 2.300.000.000 đồng trong thời hạn 15 ngày. Nếu bà L không thực hiện thì bà Xuân sẽ yêu cầu cơ quan Nhà nước có thẩm quyền giải quyết theo quy định của pháp luật nhưng bà L vẫn không thực hiện việc trả nợ. Do đó, bà X khởi kiện bà Nguyễn Thị Xuân L ra Toà để yêu cầu:

- Buộc bà Nguyễn Thị Xuân L chịu trách nhiệm cá nhân thanh toán toàn bộ số tiền nợ gốc đã vay là 2.300.000.000 đồng.

- Yêu cầu bà L chịu trách nhiệm thanh toán nợ lãi quá hạn trên tổng số tiền nợ gốc là 2.300.000.000 đồng. Tiền lãi được tính từ ngày 01/12/2018 cho đến khi kết thúc phiên toà sơ thẩm theo lãi suất cơ bản của Ngân hàng Nhà nước công bố là 9%/năm tương đương 0,75%/tháng.

Tạm tính tiền lãi từ ngày 01/12/2018 đến ngày 01/10/2020 là 22 tháng:  
 $2.300.000.000 \text{ đồng} \times 0,75\% \times 22 \text{ tháng} = 379.500.000 \text{ đồng}.$

- Yêu cầu bà L có trách nhiệm thanh toán một lần ngay khi bản án hoặc quyết định của toà án có hiệu lực pháp luật. Kể từ ngày bản án, quyết định của Toà án có hiệu lực pháp luật mà bà L vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì bà X yêu cầu Toà án buộc bà L còn phải trả lãi do chậm thi hành án theo quy định của pháp luật.

Số tiền bà X cho bà L vay là tiền của cá nhân bà X, không liên quan đến bất kỳ ai. Bà X có chồng nhưng chồng bà X đã chết ngày 26/6/2006 (Đã nộp giấy chứng tử cho Toà án). Bà X và bà L trực tiếp giao dịch với nhau, bà X không biết về tình trạng hôn nhân của bà L. Do đó, bà X khởi kiện yêu cầu bà L chịu trách nhiệm cá nhân thanh toán nợ.

Khi nộp đơn khởi kiện, do bà X đã lớn tuổi và thiếu hiểu biết pháp luật đã tính toán không chính xác về thời điểm bắt đầu tính lãi và mức lãi suất. Do đó, đại diện nguyên đơn xác định lại thời điểm tính lãi được tính từ ngày 01/12/2018, lãi suất được tính theo lãi suất cơ bản của Ngân hàng nhà nước quy định là 9%/năm, bà X gộp toàn bộ nợ gốc của hai lần vay tiền là 2.300.000.000 đồng và tính lãi cho cả hai lần vay trên theo mốc thời gian và lãi suất như đã trình bày trên.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn – bà Nguyễn Thị Xuân L đến Tòa án để tự khai, hòa giải và tham gia phiên tòa nhưng bà L không đến Tòa án theo giấy triệu tập mà không có lý do chính đáng, bà L cũng không có bất kỳ văn bản nào phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị X. Do đó, Tòa án không thể thu thập được lời khai của bà L.

*Tại phiên tòa,*

Đại diện hợp pháp của nguyên đơn – ông Lê Xuân D có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa.

Bị đơn – bà Nguyễn Thị Xuân L vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8 phát biểu ý kiến: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi xét xử thấy rằng:

- Về tố tụng: Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Về thời hạn giải quyết vụ án **chưa** đảm bảo theo quy định của pháp luật. Nguyên

đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71, 234 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 72, 234 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 290, 471, 474 và 477 Bộ luật dân sự năm 2005 tuyên chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà Lê Thị Xuân.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời phát biểu ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Bà Lê Thị X khởi kiện bà Nguyễn Thị Xuân L yêu cầu trả nợ gốc và lãi theo thỏa thuận vay tiền các bên đã xác lập. Xác định đây là vụ án dân sự về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” giữa cá nhân với cá nhân. Do bị đơn – bà Nguyễn Thị Xuân L có đăng ký hộ khẩu tại Quận 8 và trong văn bản nhận nợ, bà L cũng ký xác nhận địa chỉ tại số 13 đường M, Phường N, Quận J, Thành phố Hồ Chí Minh. Mặc dù theo xác minh của Công an Phường N, Quận J ngày 27/5/2019 ghi nhận đương sự Nguyễn Thị Xuân L, sinh năm 1964 có đăng ký hộ khẩu thường trú số 13 đường M, Phường N, Quận J từ năm 2013 đến nay. Năm 2015 bán nhà hiện đi đâu không rõ. Nhưng nguyên đơn không thể biết được nơi ở khác của bị đơn nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại Khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, Điều 36, điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Đại diện hợp pháp của nguyên đơn – ông Lê Xuân D có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ Khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành mở phiên tòa xét xử vắng mặt nguyên đơn và đại diện hợp pháp của nguyên đơn.

Bị đơn – bà Nguyễn Thị Xuân L, Tòa án đã triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ lần thứ hai nhưng bà L vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành mở phiên tòa xét xử vắng mặt bà L.

[3] Về yêu cầu của đương sự:

Xét, đơn khởi kiện đề ngày 11/3/2019 và trình bày của đại diện nguyên

đơn cùng các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cho thấy số tiền bà X cho bà L vay là tiền riêng của bà X. Tại Hợp đồng vay tiền bản viết tay ngày 02/5/2008 và Giấy nhận nợ ngày 23/7/2009 đã thể hiện việc giao nhận tiền chỉ được thực hiện giữa bên cho vay là bà Lê Thị X cùng chữ ký xác nhận của bên vay là bà Nguyễn Thị Xuân L trực tiếp giao dịch với nhau. Bà Xuân không biết về tình trạng hôn nhân của bà L. Bà X khởi kiện yêu cầu bà L chịu trách nhiệm cá nhân thanh toán nợ. Chồng bà X là ông Nguyễn Văn K chết ngày 26/6/2006 và hiện nay bà X là người độc thân. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết phải đưa thêm người tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

Về thời hiệu khởi kiện: Các bên đương sự xác lập thỏa thuận vay tiền vào ngày 02/5/2008 và ngày 23/7/2009. Tuy nhiên, căn cứ vào điểm d Khoản 1 Điều 688, Khoản 2 Điều 149 Bộ luật dân sự 2015 và người khởi kiện không yêu cầu áp dụng quy định về thời hiệu nên Hội đồng xét xử không đặt ra để giải quyết.

Căn cứ vào các văn bản thể hiện việc vay tiền và nhận nợ ngày 02/5/2008 và 23/7/2009 có chữ ký xác nhận của bà Nguyễn Thị Xuân L cho thấy bà L có vay của bà Lê Thị X tổng số tiền nợ gốc là 2.300.000.000 đồng.

Ngày 05/11/2018, bà X đã gửi Thông báo đòi nợ đến bà L để yêu cầu bà L phải hoàn trả cho bà X toàn bộ số tiền nợ gốc đã vay. Như vậy, bà X đã thực hiện nghĩa vụ báo trước cho bên vay theo quy định tại Khoản 4 Điều 474 Bộ luật dân sự 2005. Tuy nhiên, bà L không thực hiện đúng nghĩa vụ. Vì vậy, bà L đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Trong quá trình giải quyết vụ án, để làm rõ khoản nợ nêu trên, Toà án đã nhiều lần triệu tập bà L nhưng bà L không đến Toà án để trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Do đó, việc nguyên đơn tự khai nhận, bị đơn có vay của nguyên đơn với tổng số tiền 2.300.000.000 đồng và chưa thanh toán cho nguyên đơn nợ gốc là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với phần nợ lãi: Nguyên đơn trình bày ngày 05/11/2018 bà X đã làm thông báo yêu cầu trả tiền nợ vay gửi đến bà Nguyễn Thị Xuân L để yêu cầu bà L thanh toán ngay một lần toàn bộ số tiền đã hai lần vay là 2.300.000.000 đồng trong thời hạn 15 ngày. Tuy nhiên, từ ngày 01/12/2018 đến nay, bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc. Do đó, bà X yêu cầu bà L có trách nhiệm trả lãi đối với khoản nợ chậm trả theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời gian chậm trả. Cụ thể, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn

chịu trách nhiệm thanh toán nợ gốc và trả lãi từ ngày 01/12/2018 đến khi kết thúc phiên tòa sơ thẩm với lãi suất 9%/năm.

Căn cứ Khoản 4 Điều 474 Bộ luật dân sự 2005, Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao và Quyết định 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định về lãi suất cơ bản bằng đồng Việt Nam thì về lãi, khoản vay của bà L thuộc trường hợp có lãi suất cao nhất không quá 9%/năm.

Từ các nhận định nêu trên cho thấy việc bà Xuân yêu cầu bà L trả lãi với lãi suất 9%/năm đối với khoản vay nợ của bà L là phù hợp quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Với việc tính lãi từ ngày 01/12/2018 đến ngày 02/11/2020 (Ngày xét xử sơ thẩm) là 23 tháng 01 ngày, căn cứ Thông tư số 14/2017/TT-NHNN ngày 29/9/2017 thì tiền lãi được tính như sau:

- Tiền lãi của 23 tháng là:  $2.300.000.000 \text{ đồng} \times 9\%/\text{năm} \times 23 \text{ tháng} = 396.750.000 \text{ đồng}$ .

- Tiền lãi của 01 ngày là:  $2.300.000.000 \text{ đồng} \times 9\%/\text{năm} : 365 \text{ ngày} \times 01 \text{ ngày} = 567.000 \text{ đồng}$ .

Tổng cộng tiền lãi là:  $396.750.000 \text{ đồng} + 567.000 \text{ đồng} = 397.317.000 \text{ đồng}$ .

Tổng cộng cả hai khoản gốc và lãi:  $2.300.000.000 \text{ đồng} + 397.317.000 \text{ đồng} = 2.697.317.000 \text{ đồng}$ .

Từ các phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở nên chấp nhận. Tính đến thời điểm xét xử sơ thẩm, bị đơn có nghĩa vụ phải thanh toán cho nguyên đơn cả nợ gốc và nợ lãi là 2.697.317.000 đồng.

Đối với bị đơn: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập đến Tòa án để tự khai, hòa giải và tham gia phiên tòa nhưng bị đơn không đến Tòa án theo giấy triệu tập mà không có lý do chính đáng và cũng không có bất kỳ văn bản nào phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Điều này xem như bị đơn đã từ bỏ quyền và không thực hiện nghĩa vụ tham gia tố tụng tại Tòa án để bảo vệ quyền lợi của mình.

[4] Quan điểm giải quyết vụ án của Viện kiểm sát nhân dân Quận 8 phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên có căn cứ để chấp nhận.

[5] Về án phí:

- Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên bị đơn bà Nguyễn Thị Xuân L phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 về án phí, lệ phí Tòa án. Cụ thể số tiền án phí dân sự sơ thẩm bà L phải chịu là: 72.000.000 đồng + ((2.697.317.000 đồng – 2.000.000.000 đồng) x 2%) = 85.946.340đ (Tám mươi lăm triệu chín trăm bốn mươi sáu nghìn ba trăm bốn mươi đồng);

- Nguyên đơn – bà Lê Thị X không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và thuộc trường hợp được miễn nộp tiền tạm ứng án phí sơ thẩm nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về tạm ứng án phí.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, Điều 36, điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 91, Khoản 1 Điều 111, Khoản 1 Điều 112, Điều 147, điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 1, Khoản 3 Điều 228, Điều 271, Khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự số 92/2015/QH13;

Áp dụng:

- Các Điều **290, 471, 474 và 477 Bộ luật dân sự số 33/2005/QH11**;
- Khoản 2 Điều 149, Điều 357, 468, 688 Bộ luật dân sự số 91/2015/QH13;
- Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;
- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.
  - 1.1. Buộc bà Nguyễn Thị Xuân L chịu trách nhiệm cá nhân thanh toán cho bà Lê Thị X số tiền là 2.697.317.000đ (Hai tỷ sáu trăm chín mươi bảy triệu ba trăm mười bảy nghìn đồng); Trong đó: Nợ gốc là: 2.300.000.000đ (Hai tỷ ba trăm triệu đồng) và nợ lãi là: 397.317.000đ (Ba trăm chín mươi bảy triệu ba trăm mười bảy nghìn đồng).

Việc thanh toán tiền được thực hiện tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.



Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (Đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

**2. Về án phí dân sự sơ thẩm:**

2.1. Bà Nguyễn Thị Xuân L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 85.946.340đ (Tám mươi lăm triệu chín trăm bốn mươi sáu nghìn ba trăm bốn mươi đồng), nộp tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2.2. Bà Lê Thị X không phải chịu án phí dân sự sơ.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự; Người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo các Điều 6, 7, 7a, 7b, và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014./.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- Chi cục THADS Q.8;
- VKSND Q.8;
- TAND TP.HCM;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*(đã ký)*

**Lương Duy Minh Chính**